

Bản án số: 42/2025/DS-ST

Ngày: 29-8-2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Huỳnh Văn Sen
Ông Nguyễn Việt Cường
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hồng Nhi - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 217/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2025, về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng thương mại cổ phần K; Địa chỉ: Số D, đường P, phường R, tỉnh An Giang. Địa chỉ cũ: Số D, đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1988; Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ - Phòng Xử lý Nợ - Ngân hàng thương mại cổ phần K; Địa chỉ: Số D, đường N, Khóm A, Phường V, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

- ***Bị đơn:*** Bà Phan Thùy T1, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số H, L, Khóm D, Phường V, thành phố Cần Thơ; Địa chỉ: Số H, L, Khóm D, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 3 năm 2025 (BL01) của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Ngọc T trình bày:

Vào ngày 23/8/2024, Ngân hàng TMCP K, tỉnh Sóc Trăng có ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 0286/24/TC/2101-05170 với bà Phan Thùy T1. Theo Hợp

đồng thì Ngân hàng cho bà Phan Thùy T1 vay số tiền là 30.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi triệu đồng). Loại thẻ JCB Classic. Lãi suất vay: 28%/năm.

Tính đến ngày 29/8/2025, bà Phan Thùy T1 còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần K tổng cộng số tiền là 36.610.088 đồng. Trong đó: Nợ gốc còn lại 26.133.751 đồng; T2 lãi phát sinh: 7.529.100 đồng; P phạt chậm trả: 2.947.237 đồng.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần K yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Buộc bà Phan Thùy T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP K số tiền tạm tính đến ngày 29/8/2025 là 36.610.088 đồng (*ba mươi sáu triệu sáu trăm mười nghìn không trăm tám mươi tám đồng*) và tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận trong Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 0286/24/TC/2101-05170 ký ngày 23/8/2024 từ ngày 30/8/2025 cho đến ngày thanh toán dứt nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn biết và Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ bị đơn để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, sau đó đã thông báo cho bị đơn biết kết quả phiên họp. Đồng thời, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho bị đơn bà Phan Thùy T1 nhưng bà T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà T1 theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, Ngân hàng Thương mại Cổ phần K có ký Hợp đồng tín dụng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 cho bị đơn vay tiền. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn trả nợ không đúng như thỏa thuận, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán số tiền vay. Vì vậy Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K với bị đơn bà Phan Thùy T1 là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn có địa chỉ cư trú tại Khóm D, phường V, thành phố Cần Thơ. Nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều

35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K về việc yêu cầu bà T1 trả tiền vay còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/8/2025) với số tiền là 36.610.088 đồng. Trong đó: Nợ gốc còn lại 26.133.751 đồng; T2 lãi phát sinh: 7.529.100 đồng; P phạt chậm trả: 2.947.237 đồng.

[4.1] Xét Giấy đăng ký phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 0286/24/TC/2101-05170 ký ngày 23/8/2024.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo Giấy đăng ký phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 0286/24/TC/2101-05170 ký ngày 23/8/2024, sau khi cấp thẻ tín dụng bị đơn bà Phan Thùy T1 số tiền 30.000.000 đồng. Từ ngày 23/8/2024 đến thời điểm xét xử vụ án bà T1 chỉ thanh toán được một phần nợ gốc và tiền lãi cho Ngân hàng thì không thanh toán nữa, bà T1 đã vi phạm hợp đồng cho nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền gốc, tiền lãi, phí phạt chậm trả và kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử ngày 30/8/2025 bị đơn bà T1 phải trả tiền lãi phát sinh theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 0286/24/TC/2101-05170 ngày 23/8/2024 là phù hợp theo quy định tại các Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị đơn thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn.

[4.2] Xét về nợ lãi: Theo Giấy đăng ký phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 0286/24/TC/2101-05170 ngày 23/8/2024 khi vay có thỏa thuận lãi suất trong hạn 28%/năm. Đây là lãi suất do các bên thỏa thuận và không vi phạm pháp luật về lãi suất. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi và bị Ngân hàng xác định là vi phạm hợp đồng. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T1 phải trả nợ lãi, phí phạt chậm trả trên dự nợ gốc là có cơ sở chấp nhận. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 30/8/2025) bà Phan Thùy T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí phạt chậm trả phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đăng ký phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 0286/24/TC/2101-05170 ngày 23/8/2024 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91. khoản 2 Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Điều 7, khoản 2 Điều 8, Điều 10, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K đối với bị đơn bà Phan Thùy T1.

Buộc bị đơn bà Phan Thùy T1 phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/8/2025) bao gồm các khoản sau: Nợ gốc còn lại 26.133.751 đồng; T2 lãi phát sinh: 7.529.100 đồng; P phạt chậm trả: 2.947.237 đồng. Tổng cộng: 36.610.088 đồng (ba mươi sáu triệu sáu trăm mười nghìn không trăm tám mươi tám đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 30/8/2025) bị đơn bà Phan Thùy T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí phạt chậm trả phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đăng ký phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 0286/24/TC/2101-05170 ngày 23/8/2024 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

3. Về án phí sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Phan Thùy T1 phải chịu 1.830.504 đồng (một triệu tám trăm ba mươi nghìn năm trăm lẻ bốn đồng).

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần K không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 786.000 đồng (bảy trăm tám mươi sáu nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002405 ngày 12/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, nay là Thi hành án dân sự thành phố C (Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ).

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TPCT (Phòng KT, TT, NV&THA);
- VKSND khu vực 8 – Cần Thơ;
- Đương sự;
- THADS khu vực 8 – Cần Thơ;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Chiêu Hùng